

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
THÁI DƯƠNG

Địa chỉ : Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận
7, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Email : info@thaiduongcapital.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quỳnh Chi

Địa chỉ : 98, đường 47, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính soát xét 2023 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ
Đầu tư Chứng khoán Thái Dương.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu, HC-VP

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Quỳnh Chi

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
đã được soát xét

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 – 03 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| <i>Bảng cân đối kế toán</i> | 05 – 08 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | 09 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> | 10 |
| <i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i> | 11 |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i> | 12 – 26 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 46/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009 và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 69/UBCK-GP ngày 27 tháng 4 năm 2010, giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 7 năm 2013, giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 09 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2016, giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020 và giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 08 năm 2020.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306904274 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp đăng ký lần đầu ngày 20/01/2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 12/12/2022.

Hoạt động chính của Công ty là: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.000.000.000 đồng (tương đương 2.900.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ phận kiểm soát nội bộ trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--------------------------|
| Ông Cao Thanh Định | Chủ tịch |
| Bà Lê Quỳnh Chi | Phó Chủ tịch thường trực |
| Bà Nguyễn Thị Mai Hoa | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|---------------------------|----------------|
| Bà Lê Quỳnh Chi | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Phương Dung | Kế toán trưởng |

Bộ phận kiểm soát nội bộ

| | |
|----------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Trưởng bộ phận |
|----------------------|----------------|

Bộ phận kiểm toán nội bộ

| | |
|-------------------------|----------------|
| Bà Trần Thị Thiên Hương | Trưởng bộ phận |
|-------------------------|----------------|

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Lê Quỳnh Chi.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 26 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ QUỲNH CHI
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Số: 219/BCSX/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương, được lập ngày 02 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của đơn vị cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán:

0700-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/01/2023 |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 26.881.134.378 | 26.736.329.649 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 15.479.997.070 | 15.318.650.353 |
| 1. Tiền | 111 | | 15.479.997.070 | 15.318.650.353 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.373.573.722 | 11.373.573.722 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.02 | 11.373.573.722 | 11.373.573.722 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 23.266.510 | 37.943.244 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 64.000.000 | 64.000.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ | 134 | V.03 | 3.266.510 | 17.943.244 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | - | - |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.04 | (44.000.000) | (44.000.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.297.076 | 6.162.330 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.05 | 4.297.076 | 6.162.330 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | - | - |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/01/2023 |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 7.508.332 | 5.490.000 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.490.000 | 5.490.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị phụ thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.06 | 5.490.000 | 5.490.000 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | - | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | - | - |
| - Nguyên giá | 222 | | 30.618.000 | 30.618.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (30.618.000) | (30.618.000) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.018.332 | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.08 | 2.018.332 | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 26.888.642.710 | 26.741.819.649 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 186.934.239 | 81.541.249 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 186.934.239 | 81.541.249 |
| 1. Vay ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | - | - |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | - | - |
| 4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 314 | V.09 | 31.866.380 | 34.394.215 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 126.402.563 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.10 | 28.665.296 | 47.147.034 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | - | - |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 323 | | - | - |
| 11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| 12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 328 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 339 | | - | - |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | V.11 | 26.701.708.471 | 26.660.278.400 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 29.000.000.000 | 29.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (2.298.291.529) | (2.339.721.600) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 26.888.642.710 | 26.741.819.649 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/01/2023 |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Tài sản cố định thuê ngoài | 001 | | - | - |
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | 002 | | - | - |
| 3. Tài sản nhận ký cược | 003 | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | | 3.135.433.690 | 3.135.433.690 |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | 005 | | - | - |
| 6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ | 006 | | - | - |
| Trong đó: | | | | |
| 6.1. Chứng khoán giao dịch | 007 | | - | - |
| 6.2. Chứng khoán tạm dừng giao dịch | 008 | | - | - |
| 6.3. Chứng khoán cầm cố | 009 | | - | - |
| 6.4. Chứng khoán tạm giữ | 010 | | - | - |
| 6.5. Chứng khoán chờ thanh toán | 011 | | - | - |
| 6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút | 012 | | - | - |
| 6.7. Chứng khoán chờ giao dịch | 013 | | - | - |
| 6.8. Chứng khoán quỹ đảm bảo khoản vay | 014 | | - | - |
| 6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch | 015 | | - | - |
| 7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ | 020 | | 10.562.370.000 | 10.562.370.000 |
| 8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác | 030 | V.12 | 2.273.664 | 2.271.399 |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước | 031 | | 2.273.664 | 2.271.399 |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài | 032 | | - | - |
| 9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác | 040 | V.13 | 3.810.500.000 | 3.810.500.000 |
| 9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước | 041 | | 3.810.500.000 | 3.810.500.000 |
| 9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài | 041 | | - | - |
| 10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác | 050 | | - | - |
| 11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác | 051 | | - | - |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Dung

Nguyễn Thị Phương Dung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 |
|---|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu | 01 | VI.01 | 1.651.888.510 | 1.223.770.242 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 1.651.888.510 | 1.223.770.242 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | - | - |
| 5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.651.888.510 | 1.223.770.242 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 373.722 | 720.572.347 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | | |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24 | VI.04 | 1.610.832.161 | 1.715.228.946 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 41.430.071 | 229.113.643 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 11. Chi phí khác | 32 | | | 106.905 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | - | (106.905) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 41.430.071 | 229.006.738 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.05 | - | - |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 41.430.071 | 229.006.738 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.06 | 14,29 | 78,97 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Dung

Nguyễn Thị Phương Dung



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 1.666.565.244 | 723.734.084 |
| 2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (190.640.099) | (222.485.358) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.083.980.848) | (1.298.483.719) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | - | - |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | - | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 13.247.060 | 95.251.830 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (244.218.362) | (292.732.192) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 160.972.995 | (994.715.355) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 3.420.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 373.722 | 572.347 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 373.722 | 3.420.572.347 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 161.346.717 | 2.425.856.992 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 15.318.650.353 | 16.760.364.637 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 15.479.997.070 | 19.186.221.629 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Dung

Nguyễn Thị Phương Dung

Kè Quỳnh Chi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | | | Số dư cuối năm | |
|--|-----------------------|-------------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|--|
| | Năm nay 01/01/2023 | Năm trước 01/01/2022 | Giảm | Năm trước | | Năm nay 30/06/2023 | Năm trước 30/06/2022 | |
| | | | | Tăng | Giảm | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 29.000.000.000 | 29.000.000.000 | - | - | 29.000.000.000 | 29.000.000.000 | | |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*) | (2.339.721.600) | (2.569.344.405) | 41.430.071 | 229.006.738 | (2.298.291.529) | (2.340.337.667) | | |
| Cộng | 26.660.278.400 | 26.430.655.595 | 41.430.071 | 229.006.738 | 26.701.708.471 | 26.659.662.333 | | |

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Tăng trong năm trước là do kết quả hoạt động kinh doanh năm trước lãi
- Tăng trong năm nay là do kết quả hoạt động kinh doanh năm nay lãi.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc

